Tóm tắt nội dung 5 tài liệu liên quan đề tài: “Xây dựng website học trực tuyến trên nền tảng mã nguồn mở moodle”

# Danh sách các tài liệu

* Giáo dục Việt Nam và xu hướng E-learning(.html)
* Kinh te tri thuc va phat trien chuong trinh dao tao dai hoc hien dai(.pdf)
* Learning PHP 7(.pdf)
* Moodle 3 Administration, Third Edition (.pdf)
* Ứng dụng E-learning trong dạy học - OMT - Công ty Đào tạo Quản lý Trực tuyến \_ OMT - Công ty Đào tạo Quản lý Trực tuyến(.pdf)

# Tóm tắt nội dung

## Nội dung tài liệu “Giáo dục Việt Nam và xu hướng E-learning(.html)”

Tài liệu này được tham khảo từ nguồn <http://dantri.com.vn/suc-manh-so/giao-duc-viet-nam-va-xu-huong-e-learning-1407947936.htm> .

Tài liệu giới thiệu về định nghĩa của elearning, trích nội dung từ tài liệu “E-learning là một phương thức đào tạo hiện đại dựa trên công nghệ thông tin. Với sự bùng nổ phát triển của công nghệ hiện nay, E-learning ngày càng được ưa chuộng bởi tính linh hoạt và tiện dụng với thời gian lẫn địa điểm. Nó giúp giải quyết nhiều vấn đề khó khăn khi người học có thể có thể học mọi lúc mọi nơi, ở văn phòng, ở nhà hoặc bất kỳ địa điểm nào thuận tiện và có thể học nhiều lần. Đây là điều mà các phương pháp giáo dục truyền thống không có được. ”.

Tài liệu này còn giới thiệu các mô hình học trực tuyến tiên tiến ở các quốc gia có nền giáo dục phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ… Đối với Hàn Quốc, Chính phủ xem đây như một công cụ để giảm tải chi phí dạy kèm tại các trung tâm luyện thi, qua đó góp phần bình đẳng trong giáo dục. Cùng với đó, kênh truyền hình học đường được mở ra cùng với website cung cấp các bài giảng ôn thi đại học miễn phí, thu hút một số lượng rất lớn học sinh tham gia. Một số giáo viên, giảng viên giỏi ở Hàn Quốc cho rằng e-learning mang lại cơ hội và sự công bằng hơn cho giáo dục bởi những học sinh nghèo có thể tham gia vào khóa luyện thi của những thầy giỏi với mức học phí rất ít so với lớp luyện thi thông thường. Tại Mỹ, một tính năng rất hay thường gọi là đào tạo “một - một” (1-on-1) là một trong những tiện ích quan trọng được triển khai trên công nghệ mạng. Với tính năng này, mỗi học sinh lại được quản lý và tương tác với một giáo viên chủ nhiệm nhằmĠtheo dõi và bám sát một cách tốt nhất tới quá trình học của từng học viên. Học sinh được quản lý và đánh giá chặt chẽ về mức độ chuyên cần và kết quả học tập. Trong môi trường E-learning, việc sử dụng phần mềm tin học cho phép mô hình hóa bài giảng, thể hiện trực quan giúp người học tiếp thu dễ dàng hơn kiến thức bài học và tăng sự hào hứng trong học tập. Bên cạnh đó, học viên được tăng cường tính chủ động, người học có thể tự điều chỉnh khóa học cho phù hợp với bản thân như chọn học với giáo viên khác nếu thấy không phù hợp.

## Nội dung tài liệu : “ Kinh te tri thuc va phat trien chuong trinh dao tao dai hoc hien dai(.pdf)”

Tài liệu này được tham khảo tại Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn 23 (2007) 135-147. Bài viết phân tích đặc điểm và các xu hướng phát triển của nền kinh tế tri thức trong xã hội hiện đại. Vai trò của tri thức trong phát triển và phát triển giáo dục trong nền kinh tế tri thức và kỷ nguyên thông tin đặc biệt là về vấn đề nội dung giáo dục và phát triển chương trình đào tạo đại học. Tổng quan những tư tưởng, quan điểm, cấu trúc và các cách tiếp cận trong phát triển chương trình đào tạo đại học nhằm đáp ứng những yêu cầu của xã hội hiện đại.

Tài liệu bàn luận về Kinh tế tri thức và giáo dục đại học trong nền kinh tế tri thức. Trong đó là khái niệm về Tri thức và đặc điểm của tri thức, đặc điểm của nền kinh tế tri thức, giáo dục trong nền kinh tế tri thức.

Nội dung tiếp theo tác giả bàn về Các đặc điểm của chương trình đào tạo đại học hiện đại.

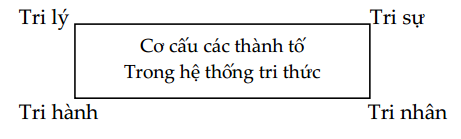
Tác giả nêu lên các thành tố cơ bản cấu hình lên hệ thống tri thức:

- Tri lý: Các quy luật, nguyên lý, khái niệm khoa học, v.v...

- Tri sự: Các hiểu biết về các sự kiện, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội, thực tiễn cuộc sống, v.v...

- Tri hành: Các tri thức hướng dẫn hành động như quy trình, hướng dẫn, các chuẩn mức, v.v...

- Tri nhân: Hiểu biết về con người, quan hệ xã hội, hệ thống giá trị, v.v...



Hệ thống các kỹ năng bao gồm:

- Các kỹ năng tư duy: Phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát, dự đoán, chuẩn đoán, v.v...

- Các kỹ năng thực hành và tác nghiệp: thiết kế, vận hành, sửa chữa, điều chỉnh, thí nghiệm, giải quyết vấn đề, xử lý tình huống, v.v...

- Các kỹ năng giao tiếp: Sử dụng ngôn ngữ, tiếp xúc, hướng dẫn, trình bày, v.v...

- Các kỹ năng quản lý: Lập kế hoạch, tổ chức chỉ đạo, phối hợp, kiểm tra và đánh giá.

- Các kỹ năng thông tin: Thu thập, lựa chọn; xử lý thông tin, v.v...

Các kỹ năng trên được hình thành và phát triển thông qua quá trình hoạt động thực tiễn, đào tạo và hành nghề thực tế.

Tác giả nêu lên các mô hình đào tạo trong chương trình đào tạo:

- Thiết kế kiểu nhà khối

- Thiết kế kiểu phân nhánh

- Kiếu thiết kế hình xoắn ốc

- Kiểu thiết kế theo nhiệm vụ hay kỹ năng cụ thể

- Kiểu thiết kế các quá trình-mô hình học tập.

Lời kết của tác giả Phát triển các chương trình đào tạo đại học nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực có trình độ cao của xã hội hiện đại và nền kinh tế tri thức đặc biệt là chương trình đào tạo theo môđun với học chế tín chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và yêu cầu liên thông trong hệ thống giáo dục đại là một vấn đề rất khó khăn và phức tạp. Trước hết nó đòi hỏi phải đổi mới căn bản các quan niệm, cách thức phát triển chương trình đào tạo, chuyển từ chương trình đào tạo kiểu hàn lâm truyền thống, nặng về cung cấp hệ thống tri thức sang chương trình đào tạo hiện đại theo định hướng mục tiêu và nhu cầu phát triển nghề nghiệp. Đổi mới chương trình đào tạo là điều kiện cơ bản để chuyển đổi cách dạy-học ở bậc đại học với xu hướng tăng cường ứng dụng các phương pháp dạy học tích cực hoá, kích thích tư duy, phát triển năng lực thực hành, năng lực hành nghề ở người học. Công tác này cần sự hợp tác, chia sẻ của các trưòng đại học và các nhà khoa học, nhà giáo, nhà quản lý, nhà sử dụng lao động có quan tâm đến vấn đề phát triển chương trình đào tạo đại học.

## Nội dung tài liệu “Ứng dụng E-learning trong dạy học - OMT - Công ty Đào tạo Quản lý Trực tuyến \_ OMT - Công ty Đào tạo Quản lý Trực tuyến”

Bài viết này được lấy nguồn từ <http://omt.vn>. Tác gỉa bàn về việc ứng dụng elearning trong dạy học. “Hiện nay, nền kinh tế thế giới đang bước vào giai đoạn kinh tế tri thức. Vì vậy, việc nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục – đào tạo sẽ là nhân tố sống còn quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia. Hơn nữa, việc học tập không chỉ bó gọn trong việc học phổ thông, học đại học mà là học suốt đời. E-Learning chính là một giải pháp hữu hiệu giải quyết vấn đề này.”

Tác giả nêu lên khái niệm của elearning “E-Learning (viết tắt của từ Electronic Learning) là thuật ngữ khá mới mẻ. Hiểu theo nghĩa rộng, E-Learning là một thuật ngữ dùng để mô tả việc học tập, đào tạo dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT), đặc biệt là công nghệ thông tin.”

Có hai hình thức giao tiếp giữa người dạy và người học: giao tiếp đồng bộ (Synchronous) và giao tiếp không đồng bộ (Asynchronous). Giao tiếp đồng bộ là hình thức giao tiếp trong đó có nhiều người truy cập mạng tại cùng một thời điểm và trao đổi thông tin trực tiếp với nhau như: thảo luận trực tuyến, hội thảo video, nghe đài phát sóng trực tiếp, xem tivi phát sóng trực tiếp… Giao tiếp không đồng bộ là hình thức mà những người giao tiếp không nhất thiết phải truy cập mạng tại cùng một thời điểm, ví dụ: các khoá tự học qua Internet, CD-ROM, e-mail, diễn đàn. Đặc trưng của kiểu học này là giảng viên phải chuẩn bị tài liệu khoá học trước khi khoá học diễn ra. Học viên được tự do chọn lựa thời gian tham gia khoá học.

Nội dung tiếp theo tác giả bàn về đặc điểm chúng của elearning:

– Dựa trên CNTT&TT. Cụ thể hơn là công nghệ mạng, kĩ thuật đồ họa, kĩ thuật mô phỏng, công nghệ tính toán…

– Hiệu quả của E-Learning cao hơn so với cách học truyền thống, do E-Learning có tính tương tác cao dựa trên multimedia, tạo điều kiện cho người học trao đổi thông tin dễ dàng hơn, cũng như đưa ra nội dung học tập phù hợp với khả năng và sở thích của từng người.

– E-Learning đã và đang trở thành xu thế tất yếu trong nền kinh tế tri thức và đang thu hút được sự quan tâm đặc biệt của các nước trên thế giới với rất nhiều tổ chức, công ty hoạt động trong lĩnh vực E-Learning ra đời.

Một số hình thức đào tạo bằng Elearning:

1. Đào tạo dựa trên công nghệ (TBT – Technology-Based Training) là hình thức đào tạo có sự áp dụng công nghệ, đặc biệt là dựa trên công nghệ thông tin.
2. Đào tạo dựa trên máy tính (CBT – Computer-Based Training). Hiểu theo nghĩa rộng, thuật ngữ này nói đến bất kì một hình thức đào tạo nào có sử dụng máy tính. Nhưng thông thường thuật ngữ này được hiểu theo nghĩa hẹp để nói đến các ứng dụng (phần mềm) đào tạo trên các đĩa CD-ROM hoặc cài trên các máy tính độc lập, không nối mạng, không có giao tiếp với thế giới bên ngoài. Thuật ngữ này được hiểu đồng nhất với thuật ngữ CD-ROM Based Training.
3. Đào tạo dựa trên web (WBT – Web-Based Training) : là hình thức đào tạo sử dụng công nghệ web. Nội dung học, các thông tin quản lý khoá học, thông tin về người học được lưu trữ trên máy chủ và người dùng có thể dễ dàng truy nhập thông qua trình duyệt Web. Người học có thể giao tiếp với nhau và với giáo viên, sử dụng các chức năng trao đổi trực tiếp, diễn đàn, e-mail… thậm chí có thể nghe được giọng nói và nhìn thấy hình ảnh của người giao tiếp với mình.
4. Đào tạo trực tuyến (Online Learning/Training) : là hình thức đào tạo có sử dụng kết nối mạng để thực hiện việc học chẳng hạn như lấy tài liệu học, giao tiếp giữa người học với nhau và với giáo viên…
5. Đào tạo từ xa (Distance Learning): Thuật ngữ này nói đến hình thức đào tạo trong đó người dạy và người học không ở cùng một chỗ, thậm chí không cùng một thời điểm. Ví dụ như việc đào tạo sử dụng công nghệ hội thảo cầu truyền hình hoặc công nghệ web.

Elearning có rất nhiều ưu điểm nổi bật nhưng bên cạnh đó vẫn còn hạn chế không thể thay thế hoàn toàn phương thức học truyền thống vì các lý do sau:

– Phương pháp dạy học truyền thống vẫn sẽ phải là phương thức chủ yếu và phổ biến bởi phù hợp với tất cả các người học và gắn liền với mỗi người học. Với cách học truyền thống, người học cảm thấy an toàn hơn khi được nghe giảng trực tiếp, được giải quyết vấn đề trực tiếp với giáo viên, phù hợp với nhiều đối tượng học viên khác nhau. Đối với những học viên không tự giác, không có thói quen tự làm việc hay chủ động làm việc thì cách học truyền thống ít nhiều cũng có tác động đến họ khi họ được học trực tiếp với giáo viên trên lớp. Giáo viên cũng có thể quan sát được thái độ học tập và khả năng học tập của mỗi học viên qua tiếp xúc trực tiếp. Trong khi đó, mô hình đào tạo trực tuyến không phải phù hợp với tất cả mọi người, nó chỉ phát huy hiệu quả khi người học có nhu cầu, có tính độc lập và tự giác cao.

– Đối với bài học, không phải bất kì nội dung học nào cũng dễ dàng chuyển đổi sang E-Learning, có rất nhiều môn học, ngành học phần nội dung có tính thực hành, tính thực tế cao thì khó có thể dùng E-Learning để giảng dạy, ví dụ : các ngành liên quan đến chế tạo, y khoa, múa, nhạc, hội hoạ…; nhưng đối với những môn học thiên về rèn luyện kĩ năng và hoạt động theo quy trình, có sự thay đổi nhanh về nội dung học tập, có yêu cầu cập nhật kịp thời, sẽ là những nội dung thích hợp của E-Learning.

E-Learning hiện nay và trong tương lai gần vẫn chưa thể thay thế hoàn toàn cách học truyền thống, mà cần phải có sự kết hợp với nhau để đem lại kết quả tốt nhất cho quá trình dạy – học. Một khoá học sử dụng thành công phương pháp dạy học E-Learning đòi hỏi người dạy phải biết kết hợp cả hai phương pháp : dạy học E-Learning và dạy học truyền thống để đem lại hiệu quả cao nhất cho người học.

## Nội dung tài liệu “Learning PHP 7”

PHP (viết tắt của cụm từ Personal Home Page) là ngôn ngữ lập trình kịch bản (scripting language) mã nguồn mở được dùng phổ biến để ra tạo các ứng dụng web chạy trên máy chủ. Mã lệnh PHP có thể được nhúng vào trong trang HTML nhờ sử dụng cặp thẻ PHP.

PHP khởi đầu chỉ là một dự án mã nguồn nhỏ, nhưng với những ưu điểm thì đã được rất nhiều người sử dụng. PHP được phát triển từ một sản phẩm có tên là PHP/FI. PHP/FI do Rasmus Lerdorf tạo ra năm 1994, ban đầu nó chỉ là một tập con đơn giản của các mã kịch bản Perl để theo dõi tình hình truy cập đến bản sơ yếu lý lịch của ông trên mạng. Ông đã đặt tên cho bộ mã kịch bản này là “Personal Home Page Tools”. Khi cần đến các chức năng rộng hơn, Rasmus đã viết ra một bộ thực thi bằng C lớn hơn để có thể truy vấn tới Database và giúp cho người sử dụng phát triển các ứng dụng web đơn giản. Rasmus đã quyết định công bố mã nguồn của PHP/FI cho mọi người xem, sử dụng cũng như sửa các lỗi có trong nó, đồng thời cải tiến mã nguồn.

Các ưu điểm của ngôn ngữ PHP:

* **PHP là một mã nguồn mở** : Việc cài đặt và sử dụng PHP rất dễ dàng, miễn phí và tự do vì đây là một mã nguồn mở (Open-source).Vì có tính ưu thế như vậy mà PHP đã được cài đặt phổ biến trên các WebServer thông dụng hiện nay như Apache, IIS…
* **Tính Cộng đồng của PHP:** Là một ngôn ngữ mã nguồn mở cùng với sự phổ biến của PHP thì cộng đồng PHP được coi là khá lớn và có chất lượng. Khả năng ứng dụng là rất cao. Với cộng đồng phát triển lớn, việc cập nhật các bản mới cũng như lỗi phiên bản hiện tại và thử nghiệm các phiên bản mới khiến PHP rất linh hoạt trong việc hoàn thiện mình. Đã rất nhiều blog, diễn đàn trong và ngoài nước nói về PHP nên khả năng tiếp cận của mọi người nhanh chóng, dễ dàng hơn, quá trình tiếp cận của người tìm được rút ngắn nhanh chóng. Vì vậy cộng đồng hỗ trợ, chia sẽ kinh nghiệm của PHP cũng rất dồi dào.
* **Thư viện phong phú:** Ngoài sự hỗ trợ của cộng đồng, thư viện script PHP cũng rất phong phú, đa dạng. Từ những cái rất nhỏ như chỉ là 1 đoạn code, 1 hàm (PHP.net…) cho tới những cái lớn hơn như Framework (Zend, CakePHP, CogeIgniter, Symfony…) hay ứng dụng hoàn chỉnh (Joomla, WordPress, PhpBB…). Với thư viện code phong phú, việc học tập và ứng dụng PHP trở nên rất dễ dàng và nhanh chóng. Đây cũng chính là đặc điểm khiến PHP trở nên khá nổi bật và cũng là nguyên nhân vì sao ngày càng có nhiều người sử dụng PHP để phát triển web. Nhu cầu xây dựng web có sử dụng cơ sở dữ liệu là một nhu cầu tất yếu và PHP cũng đáp ứng rất tốt nhu cầu này. Với việc tích hợp sẵn nhiều Database Client trong PHP đã làm cho ứng dụng PHP dễ dàng kết nối tới các hệ cơ sở dữ liệu thông dụng. Việc cập nhật và nâng cấp các Database Client đơn giản chỉ là việc thay thế các Extension của PHP để phù hợp với hệ cơ sở dữ liệu mà PHP sẽ làm việc. Một số hệ cơ sở dữ liệu thông dụng mà PHP có thể làm việc là: MySQL, MS SQL, Oracle, Cassandra…
* **Lập trình hướng đối tượng**: Ngày nay, khái niệm lập trình hướng đối tượng (OOP) đã không còn xa lạ với lập trình viên. Với khả năng và lợi ích của mô hình lập trình này nên nhiều ngôn ngữ đã triển khai để hỗ trợ OOP. Từ phiên bản PHP 5, PHP đã có khả năng hỗ trợ hầu hết các đặc điểm nổi bật của lập trình hướng đối tượng như là Inheritance, Abstraction, Encapsulation, Polymorphism, Interface, Autoload… Với việc ngày càng có nhiều Framework và ứng dụng PHP viết bằng mô hình OOP nên lập trình viên tiếp cận và mở rộng các ứng dụng này trở nên dễ dàng và nhanh chóng.
* **Tính Bảo mật:** Bản thân PHP là mã nguồn mỡ và cộng đồng phát triển rất tích cực nên có thể nói PHP khá là an toàn. PHP cũng cung cấp nhiều cơ chế cho phép bạn triển khai tính bảo mật cho ứng dụng của mình như session, các hàm filter dữ liệu, kỹ thuật ép kiểu, thư viện PDO (PHP Data Object) để tương tác với cơ sở dữ liệu an toàn hơn. Kết hợp với các kỹ thuật bảo mật ở các tầng khác thì ứng dụng PHP sẽ trở nên chắc chắn hơn và đảm bảo hoạt động cho website.Với những tính năng ưu việt và vượt trội của mình đã vươn lên vị trí là ngôn ngữ web hàng đầu trên thế giới, nhanh chóng vượt mặt nhiều ngôn ngữ lập trình khác. Có tới 90 % các trang web hiện nay viết bằng PHP, từ những trang báo điện tử, trang mạng xã hôi cho tới cac portal của Chính phủ đều đang sử dụng.

Tài liệu này là phiên bản mới nhất của PHP. Phạm vi tài liệu này bao gồm:

* Giới thiệu các khái niệm cơ bản về web và ứng dụng web với php
* Ôn tập lại kiến thức nền về PHP cơ bản
* Bàn về việc viết mã sạch trong lập trình hướng đối tượng
* Hiểu về cơ sở dữ liệu
* Mô hình lập trình MVC
* Cách kiểm thử một ứng dụng web PHP

## Nội dung tài liệu “Moodle 3 Administration, Third Edition (.pdf)”

Moodle là một hệ thống quản lý học tập (Learning Management System - LMS hoặc người ta còn gọi là Course Management System hoặc VLE - Virtual Learning Environment) mã nguồn mở (do đó miễn phí và có thể chỉnh sửa được mã nguồn), cho phép tạo các khóa học trên mạng Internet hay các website học tập trực tyến.

Moodle (viết tắt của Modular Object-Oriented Dynamic Learning Environment) được sáng lập năm 1999 bởi Martin Dougiamas, người tiếp tục điều hành và phát triển chính của dự án. Do không hài lòng với hệ thống LMS/LCMS thương mại WebCT trong trường học Curtin của Úc, Martin đã quyết tâm xây dựng một hệ thống LMS mã nguồn mở hướng tới giáo dục và người dùng hơn. Từ đó đến nay Moodle có sự phát triển vượt bậc và thu hút được sự quan tâm của hầu hết các quốc gia trên thế giới và ngay cả những công ty bán LMS/LCMS thương mại lớn nhất như BlackCT (BlackBoard + WebCT) cũng có các chiến lược riêng để cạnh tranh với Moodle.

Moodle nổi bật là thiết kế hướng tới giáo dục, dành cho những người làm trong lĩnh vực giáo dục.

Moodle rất dễ dùng với giao diện trực quan, giáo viên chỉ mất một thời gian ngắn để làm quen và có thể sử dụng thành thạo. Giáo viên có thể tự cài và nâng cấp Moodle.

Do thiết kế dựa trên module nên Moodle cho phép bạn chỉnh sửa giao diện bằng cách dùng các theme có trước hoặc tạo thêm một theme mới cho riêng mình.

Tài liệu hỗ trợ của Moodle rất đồ sộ và chi tiết, khác hẳn với nhiều dự án mã nguồn mở khác.

Moodle phù hợp với nhiều cấp học và hình thức đào tạo: phổ thông, đại học/cao đẳng, không chính quy, trong các tổ chức/công ty.

Moodle rất đáng tin cậy, có trên 10 000 site trên (thống kê tại moodle.org) thế giới đã dùng Moodle tại 160 quốc gia và đã được dịch ra 75 ngôn ngữ khác nhau. Có trên 100 nghìn người đã đăng kí tham gia cộng đồng Moodle (moodle.org) và sẵn sàng giúp bạn giải quyết khó khăn. Nếu bạn cần sự giúp đỡ chuyên nghiệp về cài đặt, hosting, tư vấn sử dụng Moodle, phát triển thêm các tính năng mới, và tích hợp Moodle với các hệ thống đã có trong trường của bạn, bạn có thể chọn cho mình một trong các công ty Moodle Partners (Khoảng 30 công ty).

Moodle phát triển dựa trên PHP (Ngôn ngữ được dùng bởi các công ty Web lớn như Yahoo, Flickr, Baidu, Digg, CNET) có thể mở rộng từ một lớp học nhỏ đến các trường đại học lớn trên 50 000 sinh viên (ví dụ đại học Open PolyTechnique của Newzealand hoặc sắp tới đây là đại học mở Anh - Open University of UK, trường đại học cung cấp đào tạo từ xa lớn nhất châu Âu, và đại học mở Canada, Athabasca University). Bạn có thể dùng Moodle với các database mã nguồn mở như MySQL hoặc PostgreSQL. Phiên bản 1.7 sẽ hỗ trợ thêm các database thương mại như Oracle, Microsoft SQL để các bạn có thêm nhiều cơ hội lựa chọn.

Để biết mọi người nghĩ gì về Moodle, các nghiên cứu về Moodle, cũng như so sánh Moodle với các hệ thống khác, bạn đọc tiếp tại: http://moodle.org/buzz/. Về tương lai phát triển của Moodle, bạn xem tại: http://docs.moodle.org/en/Roadmap.

Cộng đồng Moodle Việt Nam được thành lập tháng 3 năm 2005 với mục đích xây dựng phiên bản tiếng Việt và hỗ trợ các trường triển khai Moodle. Từ đó đến nay, nhiều trường đại học, tổ chức và cá nhân ở Việt Nam đã dùng Moodle. Có thể nói Moodle là một trong các LMS thông dụng nhất tại Việt Nam. Cộng đồng Moodle Việt Nam giúp bạn giải quyết các khó khăn về cài đặt, cách dùng các tính năng, cũng như cách chỉnh sửa và phát triển. Nhớ rằng cộng đồng Moodle Việt Nam được xây dựng bằng chính Moodle.

Một câu hỏi đặt ra là Moodle trị giá bao nhiêu? Một thống kê thú vị tại http://www.ohloh.net/projects/25 kết luận Moodle đáng giá 20 triệu USD nếu bạn phải xây dựng một hệ thống tương tự như thế từ đầu.